



BAO NGOC

Số/ No.: 07/2025/CBTT-BNA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 17-tháng-04 năm 2025

Hanoi, April 14, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

DISCLOSURE OF EXTRAORDINARY INFORMATION

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission of Vietnam
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Hanoi Stock Exchange

1. Tên tổ chức/ *Name of Organization*: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc/ Bao Ngoc Investment Group Joint Stock Company

- Mã chứng khoán/ *Stock Code*: BNA

- Địa chỉ/ *Address*: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội/ Bao Ngoc Building, Lot A2 CN8, Tu Liem Industrial Cluster, Phuong Canh Ward, Nam Tu Liem District, Hanoi City

- Điện thoại liên hệ/ *Contact Phone*: (+84) 24 3780 5022 Fax: (+84) 24 3780 5024

- Email: admin@banhbaongoc.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ *Content of the disclosed information*:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc công bố Báo cáo Thường niên năm 2024.

Bao Ngoc Investment Group Joint Stock Company has announced its 2024 Annual Report.


3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17 tháng 04 năm 2025 tại đường dẫn/ *This information was disclosed on the company's website on April 17, 2025, at the following link*: <https://banhbaongoc.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information above is true and take full responsibility before the law for the content of the disclosed information.

Tài liệu đính kèm/ *Attachments*:

2024 Annual Report

Người được ủy quyền công bố thông tin/ 

Authorized Person for Information Disclosure



Nguyễn Thảo Hương



BAO NGOC

2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

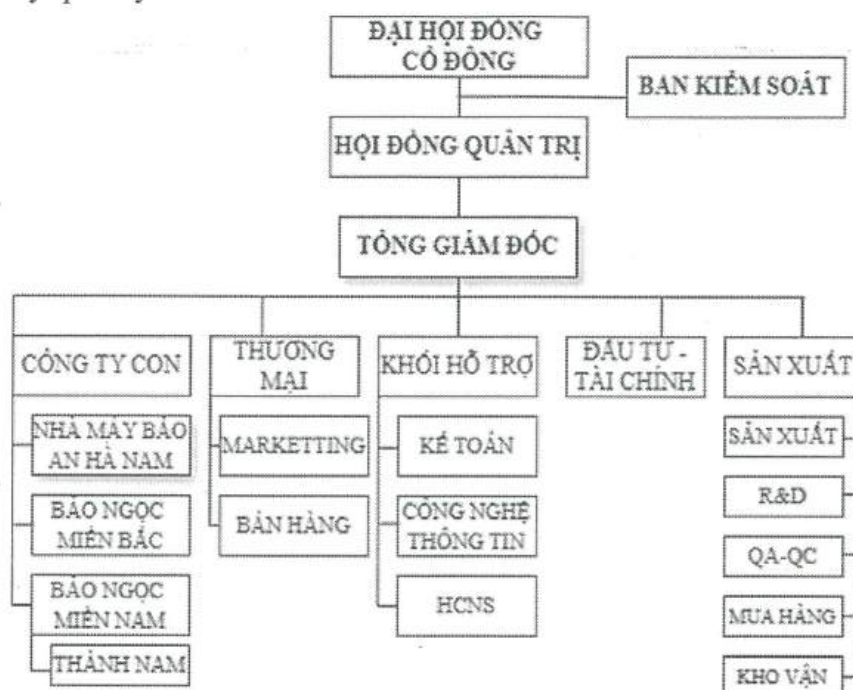
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0105950129
- Vốn điều lệ: 312.493.940.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 312.493.940.000 đồng.
- Địa chỉ: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 043.780.5022
- Website: <https://banhbaongoc.vn/>
- Mã cổ phiếu: BNA
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - + Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (BNA) với tiền thân là từ một Tiệm bánh ngọt Bảo Ngọc mở ra vào những năm 1986 tại 250 Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội, dần dần trở thành Cơ sở sản xuất bánh ngọt Bảo Ngọc từ năm 1989 đến 1991.
 - + Năm 2012, Cơ sở sản xuất bánh ngọt Bảo Ngọc được chuyển đổi sang Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc.
 - + Năm 2020 đánh dấu một bước trưởng thành vượt bậc của Bảo Ngọc khi Công ty chính thức trở thành Công ty Đại chúng và niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Gần 40 năm hoạt động và phát triển, Bảo Ngọc từng bước tạo được uy tín, thương hiệu trên thị trường Việt Nam.
 - + Năm 2021, Công ty tăng vốn lên 199.999.890.000 đồng
 - + Năm 2022, Công ty tăng vốn lên 249.998.550.000 đồng
 - + Năm 2024, Công ty tăng vốn lên 312.493.940.000 đồng và đổi tên là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh
 - + Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo.
 - + Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự, sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn.
 - + Bán buôn thực phẩm
 - + Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.
 - + Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.
- Địa bàn kinh doanh
 - + Công ty có trụ sở chính tại địa chỉ Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - + Công ty con có địa chỉ tại Tòa nhà BNA, số 47A đường Tân Hương, phường Tân Thành,

quận Tân Phú, TP Hồ chí Minh, Việt Nam

- + Nhà máy sản xuất Miền Bắc tại Di Trạch, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 - + Nhà máy sản xuất Miền Nam tại số C6A/35, Ấp 3, Xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Mô hình quản trị công ty: Công ty hoạt động theo Mô hình quản trị quy định tại điểm a Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2020 gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.
 - Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất trực tiếp: 03. Số lượng Công ty con được hợp nhất gián tiếp: 01
- + Công ty con được hợp nhất trực tiếp

1. Tên Công ty	Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam
Địa chỉ	47A, Đường Tân Hương, Phường Tân Thành, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Sản xuất bánh kẹo
Vốn điều lệ	90.000.000.000
Vốn điều lệ thực góp	87.050.000.000
Tỷ lệ sở hữu	96,72%

2. Tên Công ty	Công ty TNHH Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc
Địa chỉ	Thôn Vực, Xã Di Trạch, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Sản xuất bánh kẹo
Vốn điều lệ	24.000.000.000 VND
Vốn điều lệ thực góp	21.600.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu	90%
3. Tên Công ty	Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An Hà Nam
Địa chỉ	Lô C, ô CN8, đường D4, KCN Châu Sơn, Phường Châu Sơn, Thành phố Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Sản xuất sản phẩm từ plastic: sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất các sản phẩm từ bột; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu
Vốn điều lệ	100.000.000.000 VND
Vốn điều lệ thực góp	99.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu	99%

+ Công ty con được hợp nhất gián tiếp

Tên Công ty	Công ty Cổ phần sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam
Địa chỉ	Khu phố Phước An, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước, Việt Nam
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Sản xuất, xuất khẩu các sản phẩm nông sản hạt điều, tiêu, sầu riêng....
Vốn điều lệ	20.000.000.000 VND
Tỷ lệ sở hữu gián tiếp	49,33% (Công ty con gián tiếp)

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty
 - + Về sản phẩm và thị trường: Tận dụng thương hiệu Bảo Ngọc từ 1986 và năng lực sản xuất để phát triển các mã hàng cạnh tranh trong thị trường bánh kẹo; Giữ vững thị phần sản phẩm hiện có và phát triển sản phẩm mới, công nghệ cao đáp ứng xu hướng tiêu dùng tại Việt Nam; Mở rộng sản phẩm bánh tươi công nghiệp và tăng doanh thu, SKU tại điểm bán.
 - + Về hoạt động đầu tư: Định hướng M&A với doanh nghiệp trong ngành tiêu dùng nhanh để nâng cao năng lực cạnh tranh.
 - + Về công tác quản trị: Tối ưu hóa bộ máy quản trị và chuyển đổi số để tiết kiệm chi phí và thời gian; Quy hoạch nhân sự, tuyển dụng và đào tạo nhân viên chất lượng cao cho các vị trí quan trọng; Duy trì và lan tỏa giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, tạo môi trường phát triển cho nhân viên.
 - + Về nguồn vốn: Đa dạng hóa nguồn vốn, thu hút đối tác và phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng năng lực tài chính; Tìm kiếm và đa dạng hóa quan hệ với các tổ chức tín dụng để tiếp cận nguồn vốn vay phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty sẽ tiếp tục thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đề ra và chuẩn bị cho các bước đi chiến lược trong các năm tiếp theo, đặc biệt trong bối cảnh thị trường kinh doanh có nhiều biến động khó lường.

 - + Giai đoạn phát triển 5 năm tới: Công ty sẽ tập trung phát triển kênh phân phối mạnh mẽ và mở rộng sản xuất. Công ty sẽ thực hiện các dự án M&A để mở rộng hệ sinh thái ngành tiêu dùng nhanh và mở rộng thị trường trong nước.
 - + Mục tiêu chiến lược: Đa dạng hóa sản phẩm cho từng thị trường và kênh bán hàng, đáp ứng nhu cầu của khách hàng mục tiêu; Sản xuất thực phẩm tươi, có hàm lượng dinh dưỡng cao, tiêu dùng nhanh; Hợp tác và đầu tư vào việc nhập khẩu, phân phối thực phẩm từ các quốc gia phát triển; Tăng cường xuất khẩu nông sản và thực phẩm đặc sản của Việt Nam ra thế giới.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.
 - + Tuân thủ Pháp luật về môi trường: Bảo Ngọc cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về môi trường, đồng thời triển khai các cơ chế hỗ trợ và giám sát để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu pháp lý. Công ty sẽ không ngừng cải tiến và áp dụng các công nghệ sản xuất hiện đại, thân thiện với môi trường trong mọi hoạt động sản xuất. Mục tiêu không chỉ là tuân thủ đầy đủ các quy định pháp lý và không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến môi trường mà còn phấn đấu trở thành tấm gương trong ngành sản xuất bánh kẹo và chế biến thực phẩm về sản xuất có trách nhiệm và bảo vệ môi trường.
 - + Thiết lập mục tiêu hướng đến sức khỏe, lợi ích của người tiêu dùng: Với mục tiêu bảo

vệ sức khỏe và mang lại lợi ích cho người tiêu dùng, Bảo Ngọc cam kết nghiên cứu và phát triển các sản phẩm chất lượng cao, bổ dưỡng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư vào nghiên cứu và cải tiến sản phẩm để không chỉ phục vụ nhu cầu của khách hàng mà còn khẳng định vị thế thương hiệu mạnh mẽ trên thị trường và củng cố niềm tin vững chắc từ khách hàng.

- + Đồng hành phát triển cùng cộng đồng: Công ty luôn gắn liền hoạt động sản xuất kinh doanh với trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội. Bảo Ngọc tiếp tục thực hiện các chương trình phát triển cộng đồng, hướng đến bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống cho các cộng đồng địa phương. Công ty sẽ thiết lập hệ thống quản trị môi trường - xã hội tự nguyện, phù hợp với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế. Các hoạt động này không chỉ thể hiện trách nhiệm của công ty đối với xã hội mà còn góp phần nâng cao giá trị bền vững cho cộng đồng và môi trường.

5. Các rủi ro

- Rủi ro về kinh tế: Mặc dù sản phẩm chính của Công ty là các loại bánh mì, bánh tươi – những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu hàng ngày, do đó ít bị ảnh hưởng bởi biến động kinh tế, nhưng trong trường hợp nền kinh tế suy thoái hoặc lạm phát cao, sức mua của người tiêu dùng có thể giảm, ảnh hưởng đến tổng cầu và doanh thu của Công ty.
- Rủi ro về giá cả: Công ty phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, bao gồm bột, đường, sữa,... vì vậy giá nguyên liệu sẽ chịu sự tác động từ biến động của giá thế giới. Thêm vào đó, tỷ giá thay đổi cũng sẽ ảnh hưởng đến chi phí nhập khẩu nguyên liệu, dẫn đến việc tăng giá thành sản phẩm và ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh trên thị trường.
- Rủi ro về môi trường: Với dòng sản phẩm bánh tươi chiếm tỷ trọng lớn, có hạn sử dụng ngắn, việc bảo quản sản phẩm trong điều kiện môi trường ẩm ướt hoặc không tối ưu có thể dẫn đến tình trạng hỏng hóc và phải thu hồi sản phẩm, gây tổn thất về doanh thu và uy tín của công ty. Các yếu tố về khí hậu và môi trường như nồm ẩm sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm dễ hỏng như bánh tươi.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

a) Doanh thu

Trong năm 2024, Công ty Bảo Ngọc đã đạt được một số thành tựu quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty đạt 1.740.538 triệu đồng, tăng 20% so với năm 2023 (1.448.469 triệu đồng). Đây là mức tăng trưởng ấn tượng, phản ánh sự thành công trong việc phát triển thị trường và chiến lược sản phẩm của công ty.
- Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự tăng trưởng doanh thu này bao gồm:
 - + Công ty tiếp tục đầu tư và phát triển các dòng sản phẩm mới như bánh tươi, bánh

sandwich, bánh kisshu, bánh burger, và hạt điều xuất khẩu. Các sản phẩm mới này đã đáp ứng được nhu cầu thị trường và giúp gia tăng doanh thu.

- + Công ty đã đẩy mạnh các đợt kinh doanh chủ yếu như các mùa cao điểm Tết Nguyên Đán và Tết Trung Thu, qua đó gia tăng đáng kể doanh thu trong những tháng này.
- + Chính sách bán hàng linh hoạt: Công ty đã điều chỉnh chính sách bán hàng, tăng thưởng, chiết khấu và triển khai các chương trình khuyến mãi nhằm kích thích tiêu dùng và tăng trưởng doanh số.
- + Mở rộng kênh phân phối, đặc biệt là phát triển mạnh mẽ kênh thương mại điện tử, đóng góp 5% doanh thu của công ty, một phần quan trọng trong chiến lược tăng trưởng doanh thu.

b) Cơ cấu chi phí

Chỉ tiêu (Cơ cấu chi phí trên doanh thu)	Đơn vị	Năm 2024	Tỷ lệ % (2024)	Năm 2023	Tỷ lệ % (2023)	Tăng giảm 2024/2023 (%)
Doanh thu		1.740.538		1.448.469		
Giá vốn bán hàng	Triệu đồng	1.541.863	88,6%	1.269.690	87,7%	0,9%
Chi phí tài chính	Triệu đồng	41.394	2,4%	35.099	2,4%	0,0%
Chi phí bán hàng	Triệu đồng	50.434	2,9%	43.926	3,0%	-0,1%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Triệu đồng	29.024	1,7%	24.548	1,7%	0,0%
Chi phí khác	Triệu đồng	4.153	0,2%	5.340	0,4%	-0,1%
Tổng cộng chi phí	Triệu đồng	1.666.868		1.378.603		0,6%

Tổng cộng chi phí tăng từ 1.373.797 triệu đồng lên 1.666.868 triệu đồng, tăng 0,9%.

- Giá vốn bán hàng:
 - + Tăng 0,9%, chiếm 88,6% tổng doanh thu trong năm 2024 (1.541.863 triệu đồng) so với 87,7% trong năm 2023 (1.269.690 triệu đồng). Mặc dù doanh thu tăng, tỷ lệ chi phí này cũng đã gia tăng nhưng không đáng kể, do ảnh hưởng biến động giá của nguyên vật liệu trên thị trường chung.
- Chi phí tài chính:
 - + Không thay đổi về tỷ lệ (2,4%), nhưng tăng từ 35.099 triệu đồng lên 41.394 triệu đồng.
 - + Mức chi phí tài chính có sự gia tăng nhẹ, liên quan đến biến động lãi suất trong kỳ
- Chi phí bán hàng:
 - + Giảm nhẹ 0,1%, từ 3,0% trong năm 2023 xuống còn 2,9% trong năm 2024.
 - + Tuy nhiên, chi phí này tăng từ 43.926 triệu đồng lên 50.434 triệu đồng. Do công ty gia tăng đội ngũ nhân viên kinh doanh và mở rộng điểm bán.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp:
 - + Tỷ lệ chi phí giữ ổn định ở mức 1,7% trong cả hai năm.
 - + Tuy nhiên, tổng số tiền đã tăng từ 24.548 triệu đồng lên 29.024 triệu đồng, cho thấy công ty đã đầu tư thêm vào các hoạt động quản lý.

- Chi phí khác:
 - + Giảm từ 0,4% xuống còn 0,2%, từ 5.340 triệu đồng trong năm 2023 xuống còn 4.153 triệu đồng trong năm 2024.
- Như vậy, Có thể thấy cơ cấu chi phí có tăng trong năm 2024, tuy nhiên không đáng kể, tỷ lệ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không thay đổi nhiều, cho thấy công ty duy trì sự kiểm soát tốt trong các hoạt động không trực tiếp liên quan đến sản xuất.

1.2. Kết quả đạt được so với kế hoạch

So sánh thực hiện năm 2024 với kế hoạch năm 2024

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	%TH/KH 2024
Doanh thu	1.680.000	1.740.538	104%
Lợi nhuận sau thuế	68.000	54.351	79%

- Doanh thu thực hiện đạt 1.740.538 triệu đồng, 104% so với kế hoạch 1.680.000 triệu đồng, vượt kế hoạch nhờ vào chính sách bán hàng linh hoạt và việc phát triển các dòng sản phẩm mới, đặc biệt là doanh thu từ các đợt kinh doanh lớn như Tết và các chương trình khuyến mãi. Thêm vào đó, việc mở rộng kênh thương mại điện tử đã đóng góp 5% doanh thu, giúp gia tăng đáng kể doanh thu trong năm 2024.
- Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 54.351 triệu đồng, 79% so với kế hoạch 68.000 triệu đồng. Mặc dù doanh thu vượt kế hoạch, nhưng chi phí giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí tài chính, và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh đã ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận cuối cùng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

- Ông Trần Xuân Vinh– Tổng Giám đốc điều hành
Giới tính: Nam
Năm sinh: 1977
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Đại học
Từ 01/2024 đến nay: Tổng Giám đốc điều hành
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty: 1,25%
- Bà Đinh Thị Thúy Hạnh – Kế toán trưởng
Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1981
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của : 0%

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành

- Ngày 15/01/2024: Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với bà Bùi Thị Thanh Hương
 - Ngày 15/01/2024: Bổ nhiệm ông Trần Xuân Vinh giữ chức vụ Tổng Giám đốc điều hành
 - Ngày 01/01/2025: Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Duy Quyết
 - Ngày 01/01/2025: Bổ nhiệm bà Đinh Thị Thúy Hạnh giữ chức vụ Kế toán trưởng
- 2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động
- a) Số lượng cán bộ, nhân viên
 - b) Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Tiêu chí	2024 (Người)	Tỷ trọng (%)
I. Theo trình độ		
1. Trình độ Đại học và trên Đại học	100	16%
2. Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	150	23%
3. Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	140	22%
4. Lao động phổ thông	250	39%
II. Theo giới tính		
1. Nam	320	50%
2. Nữ	320	50%
Tổng cộng	640	100%

- Chế độ làm việc: Tuân thủ đúng chế độ giờ làm việc và ngày nghỉ theo quy định của Bộ Luật Lao động hiện hành.
 - Chính sách lương, thưởng: Hệ thống lương của Công ty Bảo Ngọc được xây dựng trên nguyên tắc công bằng, dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện trình độ, năng lực, thâm niên và hiệu quả công việc. Hệ thống này cũng đảm bảo tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương tối thiểu của Nhà nước.
 - Thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo quy định hiện hành của Bộ Luật Lao động.
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 3.1. Các khoản đầu tư lớn
- Trong năm 2024, công ty không thực hiện các khoản đầu tư lớn nào có liên quan đến việc chào bán chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính, đầu tư dự án.
- 3.2. Các công ty con, công ty liên kết

Đơn vị: Triệu VND

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	2024/2023 (%)
Tổng tài sản	1.115.696	1.617.193	45%
Doanh thu thuần	1.432.606	1.726.061	20%
Giá vốn hàng bán	1.269.690	1.541.863	21%
Doanh thu hoạt động tài chính	3.703	8.243	123%
Chi phí tài chính	35.099	41.394	18%
Chi phí bán hàng	43.926	50.434	15%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	24.548	29.024	18%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	63.045	71.587	14%
Lợi nhuận khác	-5.33	(1.963)	-63%
Lợi nhuận trước thuế	57.714	69.623	21%
Lợi nhuận sau thuế	44.356	54.351	23%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị: triệu VND

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.115.696	1.617.193	45%
Doanh thu thuần	1.432.606	1.726.061	20%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	63.045	71.587	14%
Lợi nhuận khác	(5.330)	(1.963)	-63%
Lợi nhuận trước thuế	57.714	69.623	21%
Lợi nhuận sau thuế	44.356	54.351	23%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chi tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	-Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1,5	1,31
	- Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,81	0,84
2	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,57	0,67
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,32	2,01
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
	Vòng quay hàng tồn kho			
	Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho trung bình	Vòng	3,01	3,53
	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Vòng	1,28	1,07
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	3,1%	3,1%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	11,3%	10,1%
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	4,0%	3,36%
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,4%	4,15%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phần đang lưu hành	31.249.394 cổ phần
Loại cổ phần đang lưu hành	Cổ phần phổ thông
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	31.249.394 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông

Tại thời điểm 12/11/2024

TT	Tiêu chí	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	11.269.668	36,06%
2	Cổ đông nhỏ	19.979.726	63,94%
Tổng cộng		31.249.394	100%
3	Cổ đông cá nhân	31.231.364	99,94%
4	Cổ đông tổ chức	18.030	0,06%
Tổng cộng		31.249.394	100%
5	Cổ đông trong nước	31.036.162	99,32%
6	Cổ đông nước ngoài	213.232	0,68%
Tổng cộng		31.249.394	100%
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa			0%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị: VNĐ

TT	Thời điểm	Số lượng cổ phiếu phát hành	Mệnh giá	Loại phát hành	Vốn điều lệ
1	2012	2.000.000	10.000	Chuyển đổi thành công ty cổ phần	20.000.000.000
2	06/2016	600.000	10.000	Phát hành cổ đông hiện hữu	26.000.000.000
3	07/2016	2.400.000	10.000	Phát hành cổ đông hiện hữu	50.000.000.000
4	07/2017	5.000.000	10.000	Phát hành cổ đông hiện hữu	80.000.000.000
5	10/2021	3.999.989	10.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	119.999.890.000
6	12/2021	8.000.000	10.000	Phát hành cổ đông hiện hữu	199.999.890.000
7	12/2022	4.999.866	10.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	249.998.550.000
8	12/2024	6.249.539	10.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	312.493.940.000

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường.

a) Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có

b) Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Tối ưu hóa quy trình sản xuất giúp tiết kiệm năng lượng bằng cách điều chỉnh các bước sản xuất để loại bỏ lãng phí, đặc biệt trong các quy trình nhiệt như làm nóng, làm mát. Công ty cũng cần thiết lập các quy định về tiết kiệm năng lượng, như kiểm tra định kỳ các thiết bị, hạn chế sử dụng năng lượng vào giờ cao điểm, và áp dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng.
- Đào tạo nhân viên về các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong công việc hàng ngày là một phần quan trọng, giúp nâng cao nhận thức và thực hiện những hành động nhỏ nhưng hiệu quả để giảm lãng phí năng lượng trong công ty.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 1.273.942.217.195 đồng

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 30.000 kWh/tháng

- Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: 1.000 kWh/tháng

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

- Giảm tải được 10% năng lượng tiêu thụ.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

- Báo cáo kết quả các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

+ Nhờ tối ưu hóa quy trình sản xuất giúp tiết kiệm năng lượng làm giảm 8% mức tiêu thụ năng lượng trong các quy trình nhiệt (làm nóng, làm mát); Hạn chế sử dụng vào giờ cao điểm là giảm tải hệ thống điện, tiết kiệm chi phí.

+ Đào tạo nhân viên về tiết kiệm năng lượng: 100% nhân viên áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong công việc hàng ngày giúp giảm lãng phí năng lượng, tiết kiệm được 5% năng lượng trong các hoạt động văn phòng và sản xuất.

- Kết quả: Các sáng kiến đã giúp công ty giảm 13% tổng mức tiêu thụ năng lượng, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và tiết kiệm chi phí

6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Nhà máy nước sạch tại các khu công nghiệp

- Lượng nước sử dụng trung bình 1 tháng: 2.000 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 640 lao động.

- Mức lương trung bình năm 2024: 7.000.000 đồng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Khám sức khỏe định kỳ: Người lao động cần được khám sức khỏe định kỳ để đảm bảo sức khỏe tốt, phát hiện sớm các bệnh tật liên quan đến công việc.

- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Người lao động phải được tham gia các chương trình bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, giúp họ có thể nhận các khoản hỗ trợ khi gặp phải sự cố, bệnh tật hoặc tai nạn lao động.

- Phúc lợi khác: Các khoản phúc lợi khác có thể bao gồm hỗ trợ tiền ăn, nhà ở, tiền thưởng,

trợ cấp con cái, các khoản hỗ trợ khác khi người lao động gặp khó khăn như sinh con, bệnh tật dài ngày, nghỉ hưu...

- Ngày nghỉ lễ, phép năm: Người lao động được hưởng các quyền lợi về nghỉ lễ, nghỉ phép hàng năm và các chế độ nghỉ ngơi hợp lý để tái tạo sức lao động.
- Môi trường làm việc đảm bảo an toàn lao động (hệ thống chiếu sáng đầy đủ, thông gió tốt, và các biện pháp phòng ngừa rủi ro (chống cháy nổ, chống điện giật, tai nạn lao động)
- Thương những ngày lễ, Tết.
- Chế độ khen thưởng: Công ty có các chính sách rõ ràng về khen thưởng cho những người lao động có thành tích xuất sắc.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên
 - + Cấp quản lý: 250 giờ/nhân sự
 - + Cấp nhân viên: 150 giờ/nhân sự
- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:
 - + Đào tạo ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công việc hàng ngày.
 - + Hướng dẫn sử dụng phần mềm Base để tối ưu hiệu quả công việc.
 - + Đào tạo xây dựng hệ thống BSC (Balanced Scorecard) và KPIs cho công ty.
 - + Các khóa học lập kế hoạch công việc hiệu quả.
 - + Đào tạo về chuyển đổi số trong doanh nghiệp.
 - + Phát triển kỹ năng quản lý và lãnh đạo.
 - + Hướng dẫn quản trị nhân sự trong môi trường doanh nghiệp.
 - + Đào tạo tư duy chiến lược về nhân sự trong công ty.
 - + Các khóa học kỹ năng phỏng vấn và tuyển dụng ứng viên.
 - + Đào tạo về tài chính doanh nghiệp và quản lý ngân sách.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Ngày 14/9/2024 tại Quảng trường 10/3, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Công ty Bảo Ngọc rất vinh dự đồng hành cùng ban tổ chức chương trình Đêm hội trăng rằm. Bảo Ngọc đã trao tặng 100 phần bánh trung thu tới các em nhỏ, mong rằng những món quà này sẽ góp phần thắp sáng đêm trung thu của các em.
- Ngày 16/9/2024, Công ty Bảo Ngọc đã có một trải nghiệm thật sự đáng nhớ khi cùng DIVO Tùng Dương đến thăm Trung tâm nuôi dưỡng trẻ khuyết tật Hà Nội. Tại đây, Bảo Ngọc đã mang đến niềm vui và tiếng cười cho các em nhỏ qua chương trình tặng quà và phá cỗ trung thu. Những phần quà đặc biệt mà Bảo Ngọc chuẩn bị đã được trao tận tay các em, với hy vọng rằng chúng sẽ mang lại niềm vui và động lực cho các em trong cuộc sống. Bên cạnh đó, các hoạt động trò chơi tập thể và văn nghệ với sự tham gia của DIVO Tùng Dương đã tạo nên không khí vui tươi và ấm áp, giúp các em tận hưởng một ngày

Trung thu trọn vẹn.

- Ngày 17/9/2024, Công ty Bảo Ngọc tiếp tục hành trình yêu thương khi đến Làng Hữu Nghị Việt Nam tại 304 Đường Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội để phát quà Trung thu cho 120 em nhỏ nhiễm chất độc màu da cam. Đây là một hoạt động đầy ý nghĩa, giúp mang đến niềm vui và sự sẻ chia tới những hoàn cảnh đặc biệt, để các em cảm nhận được sự quan tâm, yêu thương từ cộng đồng. Qua đó, Bảo Ngọc hy vọng có thể xoa dịu phần nào nỗi đau mà các em đang phải đối mặt, đồng thời mang đến niềm vui, sự động viên để các em có thêm nghị lực vượt qua khó khăn. Mỗi phần quà là biểu tượng của tình yêu thương, khích lệ và hy vọng rằng những ngày tháng tới, các em sẽ luôn được đón nhận những điều tốt đẹp hơn.
- Ngày 29/09/2024, Bảo Ngọc rất hân hạnh trở thành một trong những nhà tài trợ chính cho Lễ Khai giảng khóa 66 chính quy trường Đại học Kinh tế Quốc Dân, với khoản tài trợ 100 triệu đồng. Đây là một hành động thiết thực thể hiện sự ủng hộ mạnh mẽ và sự đồng hành cùng Đại học Kinh tế Quốc Dân trong hành trình đào tạo, phát triển nhân tài cho đất nước. Khoản tài trợ này không chỉ là sự đóng góp về mặt tài chính mà còn là lời khẳng định của Bảo Ngọc về trách nhiệm xã hội và cam kết trong việc thúc đẩy giáo dục và phát triển nguồn lực tương lai.
- Với phương châm "Chia sẻ yêu thương, kết nối cộng đồng", Bảo Ngọc luôn đặt trách nhiệm xã hội lên hàng đầu trong mọi hoạt động kinh doanh của mình. Trước những thiệt hại nặng nề mà người dân phải chịu sau cơn bão số 3, doanh nghiệp đã tiến hành quyên góp và gửi tặng các phần quà thiết yếu nhằm hỗ trợ kịp thời cho bà con vùng bị ảnh hưởng. Cụ thể, Bảo Ngọc đã ủng hộ:
 - + 50.000.000 VNĐ tiền mặt trực tiếp đến Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhằm góp phần hỗ trợ tài chính cho các hoạt động cứu trợ và tái thiết sau thiên tai.
 - + Hơn 40,000 chiếc bánh mì tươi từ các dòng sản phẩm chất lượng của Bảo Ngọc, gửi tặng đến bà con vùng lũ, giúp mang đến niềm vui nhỏ bé trong những ngày khó khăn.
 - + Hơn 4,000 đơn vị thuốc nhằm hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho những người dân đang gặp khó khăn, đảm bảo họ được bảo vệ trước các vấn đề về sức khỏe trong giai đoạn khẩn cấp này.
 - + 400 chiếc bánh Trung thu cho các em thiếu nhi thôn Yên Trình - Hoàng Văn Thụ - Chương Mỹ - Hà Nội chịu ảnh hưởng của bão lũ.
 - + Ngày 30/09/2024, doanh nghiệp Bảo Ngọc tiếp tục tổ chức hoạt động thiện nguyện trao quà hỗ trợ cho đồng bào tại xã Sán Chải, huyện Simacai, tỉnh Lào Cai, một trong những khu vực chịu ảnh hưởng nghiêm trọng do cơn bão số 3. Trong chương trình lần này, Bảo Ngọc Group đã tài trợ:
 - + 4.000 bánh, trị giá 20 triệu đồng, nhằm hỗ trợ dinh dưỡng cho những gia đình bị ảnh hưởng.
 - + 2.000 đơn vị thuốc, trị giá 50 triệu đồng, giúp bảo vệ sức khỏe và hỗ trợ bà con trong quá

trình khắc phục hậu quả sau bão.

- Ngoài ra doanh nghiệp vẫn luôn duy trì các hoạt động phát quà từ thiện cho bệnh nhân, người vô gia cư; xây-trường-học cho trẻ em vùng cao.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:
Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2024, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ của mình theo pháp luật và Điều lệ công ty, tuân thủ nghiêm túc các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Ban Tổng Giám đốc duy trì các cuộc họp giao ban định kỳ để chỉ đạo kịp thời và đưa ra các giải pháp hiệu quả. Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của công ty và đề xuất các giải pháp chính sách phù hợp để giải quyết các khó khăn vướng mắc. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc cũng đã chủ động xây dựng các kịch bản kinh doanh và kế hoạch đầu tư nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của công ty.

a) Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

Đơn vị: triệu VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% thay đổi 2024/2023	%TH/KH 2024
Doanh thu	1.448.469	1.680.000	1.740.538	20%	104%
Lợi nhuận sau thuế	44.356	68.000	54.351	23%	79%

- Doanh thu năm 2024 đạt 1.740.538 triệu đồng, tăng 20% so với năm 2023 và 4% so với kế hoạch năm 2024. Đây là kết quả tích cực cho thấy công ty đã thực hiện thành công chiến lược mở rộng và tăng trưởng doanh thu.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 54.351 triệu đồng, tăng 23% so với năm 2023 nhưng chỉ đạt 79% so với kế hoạch năm 2024. Mặc dù doanh thu tăng trưởng mạnh, lợi nhuận chưa đạt kỳ vọng do một số yếu tố chi phí không được kiểm soát tốt.

b) Yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh 2024:

- Công ty đã chuyển từ chiến lược phủ rộng sang chăm sóc sâu khách hàng, chủ động cắt giảm các điểm bán có doanh thu thấp và chi phí cao, đồng thời tập trung vào các điểm bán tiềm năng có doanh thu cao và chi phí thấp. Bên cạnh đó, công ty cũng đã tăng số lượng SKU tại các điểm bán để gia tăng doanh thu từ từng địa điểm.
- Công ty tiếp tục phát triển và đầu tư vào các dòng sản phẩm mới như bánh tươi, bánh sandwich, bánh kishu, bánh burger, và hạt điều xuất khẩu, qua đó không chỉ đa dạng hóa sản phẩm mà còn mở rộng thị trường tiêu thụ.
- Công ty đã đẩy mạnh và tăng trưởng doanh thu trong các dịp đặc biệt như Tết và Trung Thu, giúp tạo ra nguồn doanh thu ổn định trong năm.
- Mặc dù doanh thu tăng trưởng mạnh, lợi nhuận chưa đạt kế hoạch do công ty chưa kiểm soát được chi phí nguyên vật liệu, chi phí sản xuất và chi phí marketing một cách tối ưu. Các chi phí gia tăng này đã tác động tiêu cực đến lợi nhuận, dẫn đến kết quả lợi nhuận chưa đạt kỳ vọng.

Nhìn chung, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện các bước đi hiệu quả trong việc mở rộng

kinh doanh và tăng trưởng doanh thu. Tuy nhiên, để đạt được lợi nhuận mục tiêu, công ty cần cải thiện khả năng kiểm soát chi phí trong các lĩnh vực như nguyên vật liệu, sản xuất, vận hành và marketing. Đây là yếu tố then chốt để đảm bảo sự bền vững và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

- Tính đến ngày 31/12/2024, tổng tài sản của công ty đạt 1.617.193 triệu đồng, tăng 45% so với năm 2023. Việc gia tăng này chủ yếu đến từ việc các Công ty con công ty thực hiện các khoản đầu tư tài sản cố định, Công ty Bảo Ngọc miền Nam nhận chuyển nhượng 5.010 m2 đất tại Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Công ty Bảo Ngọc miền Bắc nhận chuyển nhượng nhà xưởng và tòa nhà văn phòng tại cụm công nghiệp tập trung, vừa và nhỏ quận Từ Liêm đặc biệt là mua đất tại Vĩnh Lộc (Công ty Bảo Ngọc Miền Nam) và các dự án bất động sản khác.
- + Tài sản ngắn hạn tăng 28%, đạt 1.210.576 triệu đồng, cho thấy công ty đã cải thiện hiệu quả sử dụng tài sản lưu động, phục vụ cho các hoạt động kinh doanh hiện tại.
- + Tài sản dài hạn tăng mạnh 141%, đạt 406.616 triệu đồng, chủ yếu là do việc gia tăng tài sản cố định từ các khoản đầu tư vào bất động sản và cơ sở vật chất, giúp nâng cao năng lực sản xuất và mở rộng quy mô.

Đơn vị: Triệu VND

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.115.696	1.617.193	45%
Tài sản ngắn hạn	946.686	1.210.576	28%
Tài sản dài hạn	169.009	406.616	141%
Vốn chủ sở hữu	480.077	539.065	12%

2.2. Tình hình nợ phải trả

- Nợ phải trả của công ty tăng 70%, từ 635.618 triệu đồng lên 1.078.128 triệu đồng, chủ yếu để đầu tư vào tài sản cố định là chiến lược hợp lý trong dài hạn. Tuy nhiên, công ty đã sử dụng vốn vay hiệu quả để thúc đẩy sự phát triển.

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Nợ phải trả	635.618	1.078.128	70%

- Về nợ quá hạn, công ty hiện đang kiểm soát tốt và duy trì việc theo dõi chặt chẽ các khoản nợ để đảm bảo không ảnh hưởng đến dòng tiền và khả năng thanh toán.
- Ảnh hưởng của lãi vay: Lãi suất vay tăng có thể làm chi phí tài chính tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận. Tuy nhiên, vì công ty không có khoản vay ngoại tệ, biến động tỷ giá hối đoái không tác động đáng kể đến kết quả kinh doanh.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2024, công ty đã thực hiện cải tổ mạnh mẽ cơ cấu tổ chức để phù hợp với chiến lược phát triển và yêu cầu của thị trường. Việc tái cấu trúc nhân sự và sắp xếp lại các phòng ban giúp tối ưu hóa hiệu quả công việc, đảm bảo sự linh hoạt và đồng bộ trong toàn bộ tổ chức, từ đó nâng cao năng suất và chất lượng công việc của từng bộ phận.
 - Đặc biệt, công ty đã đẩy mạnh áp dụng công nghệ vào các quy trình quản lý và sản xuất để tự động hóa quy trình công việc, tăng cường hiệu quả trong việc lưu trữ, quản lý dữ liệu và cải thiện khả năng phân tích thông tin. Điều này giúp tối ưu hóa công việc hàng ngày, nâng cao khả năng ra quyết định và cải thiện giao tiếp giữa các phòng ban trong công ty.
 - Bên cạnh đó, công ty cũng áp dụng AI vào các hoạt động quản lý và chiến lược kinh doanh, giúp phân tích dữ liệu khách hàng, dự báo nhu cầu thị trường và điều chỉnh các chiến lược bán hàng kịp thời. Việc sử dụng công nghệ trong quản lý đã giúp công ty giảm thiểu chi phí vận hành, tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả công việc.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Công ty sẽ tập trung vào việc đẩy mạnh nâng cao chất lượng và hiệu quả trong kinh doanh, đồng thời hiện thực hóa mục tiêu cải thiện các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và dòng tiền. Các chiến lược cụ thể bao gồm:
- Tăng trưởng doanh thu thông qua việc mở rộng thị trường, phát triển các sản phẩm mới và cải thiện hoạt động bán hàng.
 - Cải thiện hiệu quả quản lý chi phí và tối ưu hóa quy trình vận hành để nâng cao lợi nhuận.
 - Tăng cường quản lý dòng tiền, đảm bảo công ty duy trì khả năng thanh khoản và có nguồn lực để thực hiện các dự án đầu tư chiến lược trong tương lai.
- Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, tận dụng các cơ hội từ thị trường để mở rộng và củng cố vị thế trong ngành.
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Ý kiến kiểm toán là ý kiến chấp nhận toàn phần
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.
- 6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)
- Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về môi trường. Các hoạt động sản xuất được thực hiện với ý thức tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu, bao gồm tối ưu hóa quy trình sản xuất, sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng, và đào tạo nhân viên về các biện pháp tiết kiệm năng lượng.
- 6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động
- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, bao gồm bảo hiểm xã hội và y tế, khám sức khỏe định kỳ, và các phúc lợi khác. Các hoạt động đào tạo và ngoại khóa được tổ chức thường xuyên để đảm bảo sức khỏe thể chất và tinh thần cho nhân viên.

- 6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
- Trong năm 2024, công ty tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, tổ chức các chương trình từ thiện và đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng, thể hiện trách nhiệm xã hội mạnh mẽ và cam kết hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác giám sát và chỉ đạo sát sao các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2024. Cụ thể, Hội đồng quản trị đã theo dõi chặt chẽ tình hình doanh thu và lợi nhuận, trực tiếp chỉ đạo Ban điều hành và các cán bộ quản lý trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) và Hội đồng quản trị (HDQT) trên các lĩnh vực, địa bàn hoạt động của công ty. Công ty đã thực hiện đúng và hiệu quả các chiến lược phát triển và các dự án đầu tư.

- a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	% thay đổi 2024/2023	%TH/K H 2024
Doanh thu	1.448.469	1.680.000	1.740.538	20%	104%
Lợi nhuận sau thuế	44.356	68.000	54.351	23%	79%

- Doanh thu năm 2024 đạt 1.740 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2023 và 4% so với kế hoạch năm 2024, cho thấy công ty đã đạt được sự tăng trưởng tích cực và duy trì khả năng cạnh tranh.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 54.351 triệu đồng, tăng 23% so với năm 2023 nhưng chỉ đạt 79% so với kế hoạch năm 2024, cho thấy công ty vẫn đối mặt với một số khó khăn trong việc kiểm soát chi phí và đạt được mục tiêu lợi nhuận.

- b) Trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Hội đồng quản trị cũng chú trọng đến việc đảm bảo công ty hoạt động bền vững và có trách nhiệm xã hội và môi trường. Công ty đã thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong các hoạt động sản xuất và đóng góp tích cực cho cộng đồng, giúp duy trì hình ảnh doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội và môi trường. Các dự án phát triển sản phẩm mới và mở rộng cơ sở hạ tầng đều được thực hiện với sự tuân thủ các quy định về môi trường, đồng thời góp phần tạo ra công ăn việc làm và cải thiện đời sống cộng đồng.

- c) Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực và đóng góp của Ban điều hành trong việc đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, công ty vẫn cần chú trọng hơn vào việc kiểm soát chi phí để đạt được mục tiêu lợi nhuận đã đề ra. Đồng thời, công ty cũng sẽ tiếp tục duy trì và phát huy các hoạt động có trách nhiệm với xã hội và môi trường trong chiến lược phát triển bền vững của mình.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Trong năm 2024, Ban Tổng giám đốc đã có đóng góp quan trọng và quyết định trong kết quả kinh doanh và tăng trưởng của Công ty. Trong năm 2024, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong công tác điều hành, trực tiếp triển khai thực hiện quyết liệt và nghiêm túc các định hướng chiến lược của HĐQT và các chỉ đạo của HDQT, tuân thủ

nghiêm chỉnh các quy chế quy định, các nguyên tắc hoạt động trong công tác quản lý tài chính, quản lý dự án, đầu tư, bán hàng, chi phí, tổ chức nhân sự

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Định hướng phát triển của Công ty:

- Đầu tư đẩy mạnh, đa dạng hóa sản phẩm, tận dụng ưu thế thương hiệu Bảo Ngọc có từ năm 1986 và năng lực sản xuất của các nhà cung cấp hàng đầu để xây dựng phát triển những mã hàng có khả năng cạnh tranh trên thị trường hàng bánh kẹo, dần phủ thị trường cả nước và cạnh tranh thị phần các sản phẩm thực phẩm cơ bản và thiết yếu;
- Phát triển các sản phẩm mới, công nghệ cao phục vụ những xu hướng tiêu dùng mới của thị trường Việt Nam với mục tiêu dẫn đầu những thị trường ngách trong ngành hàng thực phẩm;
- Mở rộng phát triển các sản phẩm mới về bánh tươi công nghiệp.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

- a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác)

STT	Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành (%)	Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác
1	Lê Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	36,06	2
2	Trần Xuân Vinh	TV HĐQT	1,25	1
3	Nguyễn Trung Hiếu	TV HĐQT	0,0005	0
4	Đặng Minh Quang	TV HĐQT độc lập	0	1

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị. (Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

- Hội đồng quản trị của Công ty gồm 04 thành viên, đều là những cá nhân có năng lực và trình độ chuyên môn sâu rộng trong các lĩnh vực tài chính, kinh tế, quản lý doanh nghiệp và luật. Trong năm 2024, HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo và giám sát, đặc biệt trong việc định hướng, xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh tập trung vào chuyển đổi số và phát triển ba trục kinh doanh cốt lõi. HĐQT cũng đóng vai trò tham vấn cho Ban Điều hành trong việc đề ra chiến lược kinh doanh, phương án đầu tư và các giải pháp phát triển Công ty nhằm củng cố vững chắc vị thế trên thị trường.
- HĐQT đã tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên vào ngày 28/06/2024, báo cáo và xin ý kiến ĐHĐCĐ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Cuộc họp được tổ chức đúng trình tự theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của BNA, và các quy định khác có liên quan đối với công ty niêm yết. HĐQT đã chỉ đạo Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các vấn đề được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2024.
- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để bàn bạc, trao đổi, thống nhất và giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động và tổ chức của Công ty. Các cuộc họp đều thực hiện đúng quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Bảng tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Đức Thuận	18/18	100%	
2	Trần Xuân Vinh	18/18	100%	
3	Đặng Minh Quang	18/18	100%	
4	Nguyễn Trung Hiếu	18/18	100%	
5	Bùi Thị Thanh Hương	0/07	0	Có đơn từ nhiệm thành viên HĐQT từ ngày 15/2/2024

- Bảng Nghị quyết Hội đồng Quản trị

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Tỷ lệ thông qua	Nội dung
1.	01/2024/NQ-HĐQT	15/1/2024	100%	Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc đối với Bà Bùi Thị Thanh Hương
2.	02/2024/NQ-HĐQT	15/1/2024	100%	Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc điều hành đối với Ông Trần Xuân Vinh
3.	03/2024/NQ-HĐQT	15/1/2024	100%	Thông qua phương án sử dụng tín dụng tại Vietinbank
4.	03/2024/NQ-HĐQT	29/1/2024	100%	Gia hạn Hợp đồng cho vay hạn mức số VN123001244/2023-HĐCVHM/WBVN300 tại Ngân hàng

Báo cáo Thường niên 2024

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Tỷ lệ thông qua	Nội dung
				TNHH-MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh
5.	04/2024/NQ-HĐQT	01/2/2024	100%	Thông qua điều chỉnh tiến độ xây dựng Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc miền Trung
6.	12/2024/NQ - HĐQT	26/4/2024	100%	Lùi thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
7.	13/2024/NQ - HĐQT	09/5/2024	100%	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
8.	14/2024/NQ HĐQT— BN	28/6/2024	100%	Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2024 của Công ty
9.	15/2024/NQ HĐQT-BN	12/7/2024	100%	Gia hạn hợp đồng tín dụng với VPBank
10.	16/2024/NQ HĐQT-BN	29/7/2024	100%	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty
11.	17/2024/NQ HĐQT	27/8/2024	100%	Thông qua việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023
12.	0608/2024/N QHĐQT - BN	6/8/2024	100%	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)
13.	0808/2024/N QHĐQT - BN	8/8/2024	100%	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt (MB)
14.	18/2024/NQ HĐQT-BN	27/8/2024	100%	Thông qua hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP BIDV - CN Hà Nội
15.	19/2024/NQ HĐQT-BN	24/9/2024	100%	Nhận cấp tín dụng tại NHTMCP An Bình
16.	20/2024/NQ HĐQT-BN	30/9/2024	100%	Phê duyệt giao dịch phát sinh với bên liên quan là Công ty CP Thương mại Bavigo- tổ chức có liên quan người nội bộ
17.	21/2024/NQ HĐQT-BN	29/11/2024	100%	Thông qua chủ trương công ty con thực hiện Hợp đồng tín dụng với

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Tỷ lệ thông qua	Nội dung
				Techcombank
18.	22/2024/NQ-HĐQT-BNA	10/12/2024	100%	Đăng ký vốn điều lệ và ban hành sửa đổi điều lệ của Công ty
19.	23/2024/NQ-HĐQT-BN	31/12/2024	100%	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng
20.	24/2024/NQ-HĐQT - BN	31/12/2024	100%	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập
- Trong năm 2024, Thành viên HĐQT Độc lập đã giám sát các chiến lược dài hạn, đảm bảo tuân thủ pháp lý, và bảo vệ quyền lợi cổ đông. Thành viên tham gia vào các quyết định quan trọng của Công ty, đồng thời duy trì tính minh bạch trong các hoạt động của công ty.
 - Thành viên HĐQT Độc lập đã thực hiện tốt vai trò giám sát, bảo vệ lợi ích cổ đông, đặc biệt cổ đông thiểu số, và đảm bảo công ty tuân thủ các quy định pháp lý. Các hoạt động đã giúp tăng cường sự minh bạch và công bằng trong quản trị công ty.
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không

2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát. (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Ghi chú
1	Lê Thị Thanh Huyền	Trưởng BKS	0 %	
2	Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS	0 %	
3	Nguyễn Công Minh	Thành viên BKS	0 %	
4	Dương Đắc Lâm	Thành viên BKS	0 %	Miễn nhiệm ngày 28/6/2024
5	Lê Văn Tuấn	Thành viên BKS	0 %	Miễn nhiệm ngày 28/6/2024

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát)

- Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ giám sát và kiểm tra các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đúng chức năng và thẩm quyền, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Số cuộc họp: Ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp trong năm 2024.
- Nội dung các cuộc họp: Các cuộc họp của BKS chủ yếu tập trung vào việc giám sát hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, cũng như đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ theo các quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Thông tin tham gia cuộc họp của thành viên Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Số lượng	Tỷ lệ dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lê Thị Thanh Huyền	02	100%	
2	Nguyễn Thị Huyền	1	50%	Bỏ nhiệm ngày 28/6/2024
3	Nguyễn Công Minh	1	50%	Bỏ nhiệm ngày 28/6/2024
4	Dương Đắc Lâm	1	50%	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024
5	Lê Văn Tuấn	1	50%	Miễn nhiệm ngày 28/06/2024

- Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị:
 - + HĐQT họp định kỳ hàng quý và họp bất thường khi cần thiết, do Chủ tịch HĐQT chủ trì.
 - + HĐQT đã tổ chức và chỉ đạo triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - + Các cuộc họp của HĐQT có mời Ban kiểm soát tham dự, tạo điều kiện cho việc giám sát và kiểm tra.
 - + Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin đúng quy định.
 - Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Ban Tổng Giám đốc:
 - + Các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền và tuân thủ pháp luật hiện hành cùng với Điều lệ Công ty.
 - + Ban điều hành giám sát và chỉ đạo công ty một cách quyết liệt, kịp thời xử lý các vấn đề trong hoạt động kinh doanh, đảm bảo hiệu quả và an toàn.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- 3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		765,935,464	1,030,292,134
Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	150,000,000	150,000,000
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên HĐQT	84,000,000	84,000,000
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	450,520,955
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	447,935,464	261,771,179
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên HĐQT	84,000,000	84,000,000
Thu nhập của Ban Kiểm soát		406,676,280	192,676,371
Lê Thị Thanh Huyền		208,370,280	-
Nguyễn Công Minh	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 28/06/2024	24,000,000	-
Nguyễn Thị Huyền	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 28/06/2024	126,306,000	-
Dương Đức Lâm	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 28/06/2024	24,000,000	102,271,525
Lê Văn Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 28/06/2024	24,000,000	90,404,846

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

- Thông qua việc sử dụng tài sản của ông Lê Đức Thuận – Chủ tịch Hội đồng Quản trị là tài sản bảo đảm theo phương án sử dụng tín dụng tại Vietinbank được Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐQT ngày 15/01/2024 và Công ty đã công bố thông tin tại ngày 15/01/2024.

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty đã tuân thủ quy định về Công bố thông tin và quản trị công ty đại chúng, đồng thời luôn chú trọng việc tăng cường quản trị Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP. Bên cạnh đó, Công ty cũng lên kế hoạch nâng cao trình độ quản trị Công ty đối với Ban điều hành Công ty để đáp ứng theo quy định pháp luật cũng như theo yêu cầu của thị trường.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo Thường niên 2024

- Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2024 đính kèm
 - Địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/03/2025 tại đường dẫn: <https://banhbaongoc.vn/>, mục Quan hệ nhà đầu tư – Thông tin tài chính.

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2025

Nơi nhận:

- HĐQT; BTGD; BKS;
- KSNB;
- Lưu: HCNS.

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI

CH ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY *pr*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Đức Thuận



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	06-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	09-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11-44

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đức Thuần	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Xuân Vinh	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

Ban Kiểm soát

Bà Lê Thị Thanh Huyền	Trưởng ban
Ông Nguyễn Công Minh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Lê Đức Thuận

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2025, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP với ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Báo cáo kiểm toán độc lập số 187/BCKT-TC ngày 29 tháng 03 năm 2024. Cơ sở để Công ty TNHH Kiểm toán TTP đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty là do tại ngày 09/02/2023, Công ty có chuyển nhượng tài sản cố định là các công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ Lô A2 CN8 Cụm CN Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 899500 cho Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa, tuy nhiên giao dịch chuyển nhượng trên chưa được hoàn thành về mặt pháp lý. Tại Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản cố định này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2023-126-1

Nguyễn Xuân Hoàng
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 4907-2024-126-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.210.576.890.994	946.686.323.869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	77.509.856.030	69.971.637.261
1. Tiền	111		29.199.374.158	19.851.637.261
2. Các khoản tương đương tiền	112		48.310.481.872	50.120.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	34.907.669.396	24.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		34.907.669.396	24.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		642.711.069.365	402.754.679.751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	508.334.117.577	188.827.939.789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	127.265.136.135	213.515.202.289
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	7.111.815.653	411.537.673
IV. Hàng tồn kho	140	10	435.942.236.041	438.414.293.965
1. Hàng tồn kho	141		435.942.236.041	438.414.293.965
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.506.060.162	11.545.712.892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	7.472.014.254	5.298.928.027
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.024.277.795	1.246.384.865
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	5.009.768.113	5.000.400.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		406.616.301.611	169.009.849.922
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150.000.000	150.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	150.000.000	150.000.000
II. Tài sản cố định	220		309.760.622.933	147.833.958.399
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	307.189.440.765	144.024.965.064
- Nguyên giá	222		397.975.891.009	227.435.921.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(90.786.450.244)	(83.410.956.388)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	-	221.145.834
- Nguyên giá	225		-	990.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(768.854.166)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	2.571.182.168	3.587.847.501
- Nguyên giá	228		6.098.456.667	6.098.456.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.527.274.499)	(2.510.609.166)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	74.727.222.201	3.484.769.913
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		74.727.222.201	3.484.769.913
VI. Tài sản dài hạn khác	260		21.978.456.477	17.541.121.610
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	18.187.704.973	15.131.570.386
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	2.239.291.721	1.983.427.255
3. Lợi thế thương mại	269		1.551.459.783	426.123.969
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.617.193.192.605	1.115.696.173.791

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.078.128.069.878	635.618.419.038
I. Nợ ngắn hạn	310		921.918.654.432	629.778.469.038
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	135.366.643.165	91.018.311.346
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	55.686.258.635	56.753.444.018
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	19.640.640.695	24.895.455.311
4. Phải trả người lao động	314		2.499.972.762	3.628.026.050
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	438.279.632
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		878.181.818	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	817.448.942	162.194.443
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	705.672.388.520	452.882.758.238
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.357.119.895	-
II. Nợ dài hạn	330		156.209.415.446	5.839.950.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	966.000.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	155.243.415.446	5.839.950.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		539.065.122.727	480.077.754.753
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	539.065.122.727	480.077.754.753
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		312.493.940.000	249.998.550.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		312.493.940.000	249.998.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79.978.400.000	79.978.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.055.393.794	1.698.273.899
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.811.057.065	135.726.492.731
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		70.623.398.962	91.935.549.404
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53.187.658.103	43.790.943.327
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.726.331.868	12.676.038.123
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1.617.193.192.605	1.115.696.173.791

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Đinh Thị Thúy Hạnh
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.740.538.474.234	1.448.469.697.669
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	14.476.875.988	15.862.831.877
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.726.061.598.246	1.432.606.865.792
4. Giá vốn hàng bán	11	26	1.541.863.196.853	1.269.690.772.321
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		184.198.401.393	162.916.093.471
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	8.243.435.292	3.703.986.685
7. Chi phí tài chính	22	28	41.394.698.582	35.099.847.238
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		38.254.618.355	33.562.518.427
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	29	50.434.702.841	43.926.801.998
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	29.024.692.406	24.548.278.112
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		71.587.742.856	63.045.152.808
12. Thu nhập khác	31	31	2.190.137.161	9.761.112
13. Chi phí khác	32	32	4.153.962.335	5.340.096.129
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.963.825.174)	(5.330.335.017)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		69.623.917.682	57.714.817.791
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	15.528.721.140	13.912.290.570
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(255.864.466)	(554.167.273)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		54.351.061.008	44.356.694.494
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		53.187.658.103	43.790.943.327
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		1.163.402.905	565.751.167
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.033	1.752

Lại Thị Thu Hà
Người lậpĐinh Thị Thúy Hạnh
Kế toán trưởngLê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 (đã điều chỉnh hồi tố)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		69.623.917.682	57.714.817.791
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		17.353.165.121	16.187.781.126
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.096.690.018	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.562.126.515)	(1.268.520.662)
- Chi phí lãi vay	06		38.254.618.355	33.562.518.427
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(13.068.181)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		121.766.264.661	106.183.528.501
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(202.743.129.810)	(124.726.857.007)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.472.057.924	(34.417.668.941)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		36.001.036.381	94.156.344.641
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.229.220.814)	830.916.798
- Tiền lãi vay đã trả	14		(38.254.618.355)	(33.124.238.796)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(13.376.971.143)	(16.003.145.032)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		993.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(483.925.780)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(98.855.506.936)	(7.101.119.836)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(224.857.960.266)	(26.181.813.980)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		17.609.830.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.231.835.032)	(648.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.324.165.636	10.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(80.013.912.593)	(4.521.812.554)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.396.558.635	1.268.520.662
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(295.773.153.620)	(30.073.105.872)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.860.208.023.039	1.210.699.544.707
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.457.827.806.311)	(1.112.774.131.506)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(187.121.000)	(187.121.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		402.193.095.728	97.738.292.201

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023 (đã điều chỉnh hồi tố)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ($50=20+30+40$)	50		7.564.435.172	60.564.066.493
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		69.971.637.261	9.407.399.768
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(26.216.403)	171.000
Tiền và tương đương tiền cuối năm ($70=50+60+61$)	70	5	77.509.856.030	69.971.637.261


Lại Thị Thu Hà
Người lập


Đinh Thị Thúy Hạnh
Kế toán trưởng




Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 17 tháng 12 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 312.493.940.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 312.493.940.000 đồng; tương đương 31.249.394 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mứt kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con: 4

- Số lượng công ty con được hợp nhất trực tiếp: 3
- Số lượng công ty con được hợp nhất gián tiếp: 1

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2024 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Hà Nội	90,00%	90,00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	96,72%	96,72%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Bình Phước	49,33%	51,00%	Sản xuất và xuất khẩu hạt điều
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam (*)	Hà Nam	99,00%	99,00%	Sản xuất sản phẩm từ plastic

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(*) Ngày 15/02/2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam với số tiền là 99.000.000.000 đồng, tỷ lệ nắm giữ trực tiếp là 99%.

2 . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng năm không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10 năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị	05 - 44 năm
---------------------	-------------

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 05 năm.

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, chi phí cải tạo, sửa chữa, công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	14.143.548.609	7.258.105.379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.055.825.549	12.593.531.882
Các khoản tương đương tiền	48.310.481.872	50.120.000.000
	77.509.856.030	69.971.637.261

Tại 31/12/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,5% - 3,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	34.907.669.396	34.907.669.396	24.000.000.000	24.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	34.907.669.396	34.907.669.396	24.000.000.000	24.000.000.000
	<u>34.907.669.396</u>	<u>34.907.669.396</u>	<u>24.000.000.000</u>	<u>24.000.000.000</u>

Tại 31/12/2024, khoản đầu tư ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,2%/năm đến 4,2%/năm.

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Công ty Cổ phần Goodchoice Việt Nam	961.251.962	11.758.294.480
Công ty Cổ phần Đầu tư HDE Holdings	15.475.088.750	-
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	5.794.158.917	4.120.665.490
Công ty Cổ phần Sản xuất - Thương mại Ngọc Bảo	3.924.805.965	767.743.423
Công ty Cổ phần thương mại Quốc tế Bavigo	4.931.220.300	-
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ B2B Sen Vàng	3.437.267.138	3.240.497.124
Công ty Cổ phần Dược phẩm FDV Việt Nam	35.562.286.464	-
LLC Hayat	31.664.638.774	15.728.642.787
UAB Baltic Gate Terminal	-	20.016.812.558
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	16.871.037.875	-
Triton Trade Limited	11.603.361.265	-
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	8.038.738.234	-
Bestfood Co., LTD	7.205.617.278	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	362.864.644.655	133.195.283.927
	<u>508.334.117.577</u>	<u>188.827.939.789</u>
	<u>5.080.164.719</u>	<u>49.750.865</u>

Phải thu khách hàng là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Aloland	-	-	34.002.250.000	-
Công ty Cổ phần phân phối HDE	16.761.654.357	-	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An	-	-	120.741.479.000	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế Bảo Tín	65.147.027.088	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cà phê Mê Trang	3.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần ABG Việt Nam	18.969.150.487	-	29.779.000.000	-
Trả trước khác	23.387.304.203	-	13.992.473.289	-
	127.265.136.135	-	213.515.202.289	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên	4.374.601.932	-	9.700.243.139	-
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)</i>				

9 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	180.328	-	2.885.717	-
Tạm ứng	6.525.000.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	483.925.780	-	27.000.000	-
Phải thu khác	102.709.545	-	381.651.956	-
	7.111.815.653	-	411.537.673	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	150.000.000	-	150.000.000	-
	150.000.000	-	150.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	234.735.873.218	-	218.767.650.672	-
Công cụ, dụng cụ	54.304.911	-	348.897.761	-
Thành phẩm	10.878.431.074	-	5.871.820.798	-
Hàng hoá	89.600.338	-	203.143.077.207	-
Hàng gửi đi bán	190.184.026.500	-	10.282.847.527	-
	435.942.236.041	-	438.414.293.965	-

11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	74.727.222.201	3.484.769.913
Dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam ⁽¹⁾	26.200.000.000	-
Sửa chữa văn phòng	4.194.028.581	3.210.682.042
Thiết kế Website	255.252.000	255.252.000
Dự án Nhà máy Bảo An Hà Nam ⁽²⁾	42.360.822.440	-
Cải tạo xưởng sản xuất	1.717.119.180	18.835.871
	74.727.222.201	3.484.769.913

⁽¹⁾ Dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam được xây dựng dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1056084566 do Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 14/01/2025. Mục tiêu của dự án là sản xuất các loại bánh từ bột. Địa điểm thực hiện dự án tại Lô B13b/I, đường số 2A, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư như sau: Tiến độ góp vốn đến quý 4/2025; Thời gian hoàn tất tổng vốn đầu tư đến quý 4/2027. Tiến độ xây dựng cơ bản từ quý 4/2025 đến quý 3/2027, thời gian lắp đặt máy móc thiết bị từ quý 4/2027 đến quý 2/2028, Nhà máy chính thức đi vào hoạt động từ quý 2/2028.

⁽²⁾ Dự án Nhà máy Bảo An Hà Nam được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 4324566706 lần đầu ngày 08/06/2022 và thay đổi lần thứ nhất ngày 31/10/2024 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp. Địa điểm thực hiện dự án tại Lô C, ô CN8; đường D4, Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư như sau: Tiến độ góp vốn đến tháng 10/2024; Tiến độ huy động vốn: đến tháng 8/2026; Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành, hoàn thành đầu tư xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và đưa dự án vào hoạt động từ tháng 8/2026.

12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH (Chi tiết tại Phụ lục số 01)**13 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Tài sản cố định thuê tài chính là 02 máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá là 990.000.000 đồng, số khấu hao trong kỳ là 206.250.000 đồng. Ngày 21/11/2024, Công ty đã thực hiện mua lại tài sản cố định thuê tài chính, giá trị còn lại của tài sản cố định thuê tài chính tại ngày mua lại là 14.895.834 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	6.098.456.667	6.098.456.667
Tại ngày 31/12/2024	6.098.456.667	6.098.456.667
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	2.510.609.166	2.510.609.166
Trích khấu hao	1.016.665.333	1.016.665.333
Tại ngày 31/12/2024	3.527.274.499	3.527.274.499
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	3.587.847.501	3.587.847.501
Tại ngày 31/12/2024	2.571.182.168	2.571.182.168

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	468.661.868	2.636.388.081
Chi phí bảo hiểm	80.668.611	167.785.639
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	5.427.671.069	1.070.798.034
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.495.012.706	1.423.956.273
	7.472.014.254	5.298.928.027
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.847.118.503	185.595.854
Chi phí thuê đất	14.082.514.005	14.549.567.138
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	126.401.917	326.689.237
Chi phí trả trước dài hạn khác	131.670.548	69.718.157
	18.187.704.973	15.131.570.386

16 . LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Giá trị lợi thể thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong năm	1.551.459.783	426.123.969
	1.551.459.783	426.123.969

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	11.179.758.762	11.179.758.762	7.557.860.767	7.557.860.767
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại Tiến Nhân	15.840.908.924	15.840.908.924	79.526.496	79.526.496
Công ty TNHH XNK Bột mỳ Tuấn Yên	11.641.054.721	11.641.054.721	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gia Bảo	16.181.043.900	16.181.043.900	-	-
Công ty Mỹ Lệ (Trách nhiệm hữu hạn)	2.390.204.550	2.390.204.550	-	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An	10.604.439.000	10.604.439.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Việt Á	-	-	13.488.886.488	13.488.886.488
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Nam Hoa Thành	-	-	9.847.906.140	9.847.906.140
Các khoản phải trả khác	67.529.233.308	67.529.233.308	60.044.131.455	60.044.131.455
	135.366.643.165	135.366.643.165	91.018.311.346	91.018.311.346
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	567.497.685	567.497.685	1.251.125.559	1.251.125.559
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)</i>				

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa (*)	48.000.000.000	48.000.000.000
Công ty Cổ phần ABG Việt Nam	-	75.220
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	-	3.655.057.966
Trả trước khác	7.686.258.635	5.098.310.832
	55.686.258.635	56.753.444.018

(*) Đây là khoản tiền mà Công ty trên trả trước tiền liên quan đến hợp đồng mua bán tài sản gắn liền với đất thuê ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại công trình xây dựng trên đất tại địa chỉ: Lô A2 CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bảo Ngọc đã lập hóa đơn cho giao dịch chuyển nhượng này vào ngày 09/02/2023 tuy nhiên đến thời điểm phát hành báo cáo này, giao dịch chuyển nhượng trên chưa được hoàn thành về mặt pháp lý do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất chưa được sang tên cho Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa.

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)

2.189.485.986	-
----------------------	----------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***19 . THUÊ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC (Chi tiết tại Phụ lục số 02)****20 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác		
Bảo hiểm xã hội	275.070.169	129.358.950
Bảo hiểm y tế	28.270.800	21.527.300
Bảo hiểm thất nghiệp	12.465.600	10.145.800
Phải trả khác	501.642.373	1.162.393
	817.448.942	162.194.443
b) Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	966.000.000	-
	966.000.000	-

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Chi tiết tại Phụ lục số 03)**22 . TÀI SẢN THUÊ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	31/12/2024	01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.239.291.721	1.983.427.255
	2.239.291.721	1.983.427.255

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại Phụ lục số 04)****b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2024 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2024 VND
Ông Lê Đức Thuận	36,06%	112.696.680.000	36,06%	90.157.350.000
Vốn góp của các cổ đông khác	63,94%	199.797.260.000	63,94%	159.841.200.000
	100%	312.493.940.000	100%	249.998.550.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2024 VND	điều chỉnh hồi tố VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	312.493.940.000	249.998.550.000
- Vốn góp đầu năm	249.998.550.000	249.998.550.000
- Vốn góp tăng trong năm	62.495.390.000	-
- Vốn góp cuối năm	312.493.940.000	249.998.550.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.249.394	24.999.855
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	31.249.394	24.999.855
- Cổ phiếu phổ thông	31.249.394	24.999.855
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.249.394	24.999.855
- Cổ phiếu phổ thông	31.249.394	24.999.855
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.055.393.794	1.698.273.899
	<u>3.055.393.794</u>	<u>1.698.273.899</u>

24 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm và hàng hóa	1.740.404.516.644	1.448.450.048.798
Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	133.957.590	19.648.871
	<u>1.740.538.474.234</u>	<u>1.448.469.697.669</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 39.)	<u>11.667.248.230</u>	<u>1.863.946.761</u>

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	1.584.939.244	327.089.558
Hàng bán bị trả lại	12.391.579.278	15.535.742.319
Giảm giá hàng bán	500.357.466	-
	<u>14.476.875.988</u>	<u>15.862.831.877</u>

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm và hàng hóa đã bán	1.541.749.514.117	1.269.690.772.321
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	113.682.736	-
	<u>1.541.863.196.853</u>	<u>1.269.690.772.321</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.396.558.635	1.268.520.662
Lãi bán các khoản đầu tư	10.459.600	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.836.192.008	2.435.466.023
Doanh thu hoạt động tài chính khác	225.049	-
	8.243.435.292	3.703.986.685

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	38.254.618.355	33.562.518.427
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.907.363.653	1.537.328.811
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.096.690.018	-
Chi phí tài chính khác	136.026.556	-
	41.394.698.582	35.099.847.238

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	36.666.668	58.639.784
Chi phí nhân công	12.177.664.280	11.804.908.298
Chi phí khấu hao tài sản cố định	704.300.754	1.053.907.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.778.490.748	30.984.159.303
Chi phí khác bằng tiền	737.580.391	25.187.193
	50.434.702.841	43.926.801.998

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	769.575.747	707.966.821
Chi phí nhân công	8.538.250.415	7.927.641.583
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.843.309.117	5.116.981.144
Thuế, phí, lệ phí	2.086.809.812	1.740.479.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.757.560.885	8.251.790.402
Lợi thế thương mại	172.470.994	83.645.582
Chi phí khác bằng tiền	1.856.715.436	719.773.024
	29.024.692.406	24.548.278.112

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.155.108.280	-
Thu nhập khác	35.028.881	9.761.112
	2.190.137.161	9.761.112

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Các khoản bị phạt, tiền chậm nộp	1.445.444.390	4.171.691.246
Chi phí khác	2.708.517.945	1.168.404.883
	4.153.962.335	5.340.096.129

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	69.623.917.682	57.714.817.791
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.528.721.140	13.912.290.570
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.528.721.140	13.912.290.570

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	53.187.658.103	43.790.943.327
Các khoản điều chỉnh	(1.357.119.895)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	(1.357.119.895)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	51.830.538.208	43.790.943.327
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	25.496.394	24.999.855
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.033	1.752

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024	Năm 2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.273.942.217.195	1.168.510.353.368
Chi phí nhân công	47.400.772.955	37.210.035.747
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.353.165.121	15.054.268.407
Chi phí thuế và lệ phí	2.086.875.812	1.740.479.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.966.864.555	47.551.284.911
Chi phí khác bằng tiền	1.503.568.704	921.170.058
	1.398.253.464.342	1.270.987.592.047

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán			
		31/12/2024		01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính					
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.509.856.030	-	-	69.971.637.261	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	515.595.933.230	-	-	189.389.477.462	-
Đầu tư ngắn hạn	34.907.669.396	-	-	24.000.000.000	-
	628.013.458.656	-	-	283.361.114.723	-

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		860.915.803.966	458.722.708.238
Phải trả người bán, phải trả khác		137.150.092.107	91.180.505.789
Chi phí phải trả		-	438.279.632
		998.065.896.073	550.341.493.659

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.509.856.030	-	-	77.509.856.030
Phải thu khách hàng, phải thu khác	515.445.933.230	150.000.000	-	515.595.933.230
Đầu tư ngắn hạn	34.907.669.396	-	-	34.907.669.396
	627.863.458.656	150.000.000	-	628.013.458.656
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)				
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.971.637.261	-	-	69.971.637.261
Phải thu khách hàng, phải thu khác	189.239.477.462	150.000.000	-	189.389.477.462
Đầu tư ngắn hạn	24.000.000.000	-	-	24.000.000.000
	283.211.114.723	150.000.000	-	283.361.114.723

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2024				
Vay và nợ	705.672.388.520	110.385.344.910	44.858.070.536	860.915.803.966
Phải trả người bán, phải trả khác	136.184.092.107	966.000.000	-	137.150.092.107
	841.856.480.627	111.351.344.910	44.858.070.536	998.065.896.073
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	452.882.758.238	5.839.950.000	-	458.722.708.238
Phải trả người bán, phải trả khác	91.180.505.789	-	-	91.180.505.789
Chi phí phải trả	438.279.632	-	-	438.279.632
	544.501.543.659	5.839.950.000	-	550.341.493.659

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất và thương mại VND	Hoạt động cung cấp dịch vụ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.725.927.640.656	133.957.590	1.726.061.598.246
Giá vốn từ bán hàng ra bên ngoài	1.541.749.514.117	113.682.736	1.541.863.196.853
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	184.178.126.539	20.274.854	184.198.401.393
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	195.724.551.375
Tài sản bộ phận trực tiếp	528.185.473.745	-	528.185.473.745
Tài sản không phân bổ	-	-	1.089.007.718.860
Tổng tài sản	528.185.473.745	-	1.617.193.192.605
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.078.128.069.878
Tổng nợ phải trả	-	-	1.078.128.069.878

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Theo khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và sổ dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.667.248.230	1.863.946.761
Công ty CP Á Long	(1)	44.656.179	12.025.261
Công ty CP ABG Việt Nam	(2)	-	1.851.921.500
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(3)	43.643.600	-
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(5)	11.578.948.451	-
Mua hàng hóa, dịch vụ		33.184.049.639	6.284.923.987
Công ty CP Á Long	(1)	14.475.000	-
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(3)	33.169.312.829	6.284.923.987
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(5)	261.810	-

Sổ dư tại ngày kết thúc năm:

	Mối quan hệ	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu khách hàng		5.080.164.719	49.750.865
Công ty CP Á Long	(1)	39.230.584	6.296.719
Công ty CP ABG Việt Nam	(4)	-	75.220
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(2)	-	43.378.926
Công ty CP Thương mại Quốc tế Bavigo	(3)	5.040.934.135	-
Trả trước cho người bán		4.374.601.932	9.700.243.139
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(2)	1.374.601.932	9.700.243.139
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Cà Phê Mê Trang	(5)	3.000.000.000	-
Phải trả người bán		567.497.685	1.251.125.559
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(2)	567.497.685	1.251.125.559
Người mua trả tiền trước		2.189.485.986	-
Công ty CP Sản xuất Bao Bì Tây Đô	(2)	2.189.485.986	-

(1) Chủ tịch HĐQT Công ty là cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần của bên liên quan

(2) Tổng Giám đốc Công ty là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan

(3) Thành viên HĐQT Công ty là Giám đốc của bên liên quan

(4) Giám đốc Công ty trên đồng thời là vợ của Chủ tịch HĐQT. Đến ngày 05/12/2023, đơn vị này không còn là bên liên quan do thay đổi Giám đốc.

(5) Chủ tịch HĐQT Công ty là Thành viên HĐQT của bên liên quan, Thành viên HĐQT Công ty là Tổng Giám đốc bên liên quan. Ngày 16/12/2024 trở thành bên liên quan. Giao dịch phát sinh từ ngày 02/02/2024 theo Hợp đồng số 0212/HĐNT/MT-BN, ký ngày 02/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		Năm 2024	Năm 2023
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		765.935.464	1.030.292.134
Ông Lê Đức Thuận	Chủ tịch HĐQT	150.000.000	150.000.000
Ông Trần Xuân Vinh	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Bà Bùi Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	-	450.520.955
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên HĐQT	447.935.464	261.771.179
Ông Đặng Minh Quang	Thành viên HĐQT	84.000.000	84.000.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát		406.676.280	192.676.371
Lê Thị Thanh Huyền		208.370.280	-
Nguyễn Công Minh	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 28/06/2024	24.000.000	-
Nguyễn Thị Huyền	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 28/06/2024	126.306.000	-
Dương Đắc Lâm	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 28/06/2024	24.000.000	102.271.525
Lê Văn Tuấn	Thành viên Ban kiểm soát đến ngày 28/06/2024	24.000.000	90.404.846

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.


THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT


MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản cố định là "Tòa nhà Bảo Ngọc 8 tầng" cho bên mua là Công ty TNHH Cơ điện lạnh Bách Khoa trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán quý 4 năm 2023, dẫn đến một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này được trình bày lại như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Điều chỉnh hồi tố	Đã trình bày trên báo cáo hợp nhất năm/kỳ trước
		VND	VND
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	188.827.939.789	195.827.939.789
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.000.400.000	400.000
Tài sản cố định hữu hình	221	144.024.965.064	95.832.948.221
<i>Nguyên giá</i>	222	227.435.921.452	175.241.512.556
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(83.410.956.388)	(79.408.564.335)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	1.983.427.255	1.621.830.623
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	56.753.444.018	8.753.444.018
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	135.726.492.731	137.172.879.256
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b	43.790.943.327	45.237.329.852
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24.548.278.112	23.336.358.308
Thu nhập khác	31	9.761.112	605.824.465
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	(554.167.273)	(192.570.641)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.752	1.832
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	16.187.781.126	14.975.861.322
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.268.520.662)	(1.864.584.015)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(124.726.857.007)	(131.726.857.007)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	94.156.344.641	58.156.344.641
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	43.000.000.000


Lại Thị Thu Hà
Người lập


Đinh Thị Thúy Hạnh
Kế toán trưởng


Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phụ lục số 01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	91.583.170.326	124.881.562.473	9.049.700.908	1.753.057.745	168.430.000	227.435.921.452	
Mua sắm	122.959.218.541	33.808.400.000	220.000.000	4.357.324.360	44.700.000	161.389.642.901	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	34.334.908.474	-	-	-	-	34.334.908.474	
Thanh lý, nhượng bán	-	(25.184.581.818)	-	-	-	(25.184.581.818)	
Tại ngày 31/12/2024	248.877.297.341	133.505.380.655	9.269.700.908	6.110.382.105	213.130.000	397.975.891.009	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	35.868.198.457	40.419.808.260	5.918.501.999	1.072.460.260	131.987.412	83.410.956.388	
Trích khấu hao	4.689.538.615	9.597.090.623	1.088.573.851	744.268.257	10.778.442	16.130.249.788	
Thanh lý, nhượng bán (1)	-	(9.729.860.098)	-	-	-	(9.729.860.098)	
Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	975.104.166	-	-	-	975.104.166	
Tại ngày 31/12/2024	40.557.737.072	41.262.142.951	7.007.075.850	1.816.728.517	142.765.854	90.786.450.244	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	55.714.971.869	84.461.754.213	3.131.198.909	680.597.485	36.442.588	144.024.965.064	
Tại ngày 31/12/2024	208.319.560.269	92.243.237.704	2.262.625.058	4.293.653.588	70.364.146	307.189.440.765	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 1.553.599.002 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 34.697.609.745 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục số 02

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng (Đã điều chỉnh hồi tố)	5.000.400.000	11.012.465.901	4.034.291.105	11.207.387.839	5.008.768.113	3.847.737.280
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	13.641.941.825	15.422.179.518	13.376.971.143	-	15.687.150.200
Thuế Thu nhập cá nhân	-	105.111.585	83.421.267	133.755.637	-	54.777.215
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	135.936.000	572.479.758	657.439.758	-	50.976.000
Các loại thuế khác	-	-	1.126.448.349	1.126.448.349	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	99.000.000	100.000.000	1.000.000	-
	5.000.400.000	24.895.455.311	21.337.819.997	26.602.002.726	5.009.768.113	19.640.640.695

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục số 03

MẪU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	450.845.837.238	450.845.837.238	1.676.208.023.039	(1.443.542.910.739)	683.510.949.538	683.510.949.538
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	75.961.633.938	75.961.633.938	311.952.184.498	(275.630.126.575)	112.283.691.861	112.283.691.861
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	50.000.000.000	50.000.000.000	130.495.000.000	(86.500.000.000)	93.995.000.000	93.995.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	69.712.570.923	69.712.570.923	172.603.422.368	(172.435.398.976)	69.880.594.315	69.880.594.315
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	98.988.263.751	98.988.263.751	156.449.296.724	(255.437.560.475)	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	61.790.545.200	61.790.545.200	96.539.000.000	(158.329.545.200)	-	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	40.000.000.000	40.000.000.000	117.996.562.906	(90.000.000.000)	67.996.562.906	67.996.562.906
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	19.800.000.000	19.800.000.000	47.704.874.744	(66.510.400.629)	994.474.115	994.474.115
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	16.942.183.426	16.942.183.426	175.199.448.684	(139.071.467.884)	53.070.164.226	53.070.164.226
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	99.873.600.000	(20.000.000.000)	79.873.600.000	79.873.600.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	17.650.640.000	17.650.640.000	35.597.370.800	(35.257.871.000)	17.990.139.800	17.990.139.800
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	9.980.000.000	(4.990.000.000)	4.990.000.000	4.990.000.000
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	321.817.262.315	(139.380.540.000)	182.436.722.315	182.436.722.315

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phụ lục số 03

MÃU SỐ B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	01/01/2024		Trong năm		31/12/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.036.921.000	2.036.921.000	22.161.438.982	(2.036.921.000)	22.161.438.982	22.161.438.982
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.764.000.000	1.764.000.000	-	(1.764.000.000)	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	85.800.000	85.800.000	85.800.000	(85.800.000)	85.800.000	85.800.000
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	12.275.634.982	-	12.275.634.982	12.275.634.982
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	-	9.800.004.000	-	9.800.004.000	9.800.004.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	187.121.000	187.121.000	-	(187.121.000)	-	-
Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	452.882.758.238	452.882.758.238	1.698.369.462.021	(1.445.579.831.739)	705.672.388.520	705.672.388.520
b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.747.000.000	5.747.000.000	-	(5.747.000.000)	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	92.950.000	92.950.000	-	(85.800.000)	7.150.000	7.150.000
Ngân hàng TMCP An Bình	-	-	86.000.000.000	(15.347.063.554)	70.652.936.446	70.652.936.446
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	98.000.000.000	(13.416.671.000)	84.583.329.000	84.583.329.000
Tổng cộng	5.839.950.000	5.839.950.000	184.000.000.000	(34.596.534.554)	155.243.415.446	155.243.415.446

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
1	Vay ngắn hạn					683.510.949.538	683.510.949.538	
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	45.000.000.000	Tài trợ vốn lưu động, nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu/ hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	112.283.691.861	112.283.691.861	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 406-03/2024- HĐCVHM/NHCT131-BN ngày 16/01/2024					30.558.315.035	30.558.315.035	- Đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 05-03/2024- HĐCVHM/NHCT131-HH ngày 09 tháng 01 năm 2024.	60.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	27.419.285.123	27.419.285.123	- Đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 190/2024- HĐCVHM/NHCT131- THANH NAM ngày 27 tháng 08 năm 2024.	55.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	54.306.091.703	54.306.091.703	- Đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh					93.995.000.000	93.995.000.000	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN123001244/2023- HĐCVHM/WBVN300 ngày 28/02/2023	50.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	49.995.000.000	49.995.000.000	Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đông lớn (ông Lê Đức Thuấn).
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN124008183/WBVN300 ngày 19/06/2024	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 07 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	20.000.000.000	20.000.000.000	- Đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VN124016148/WBVN300 ngày 25/11/2023	24.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng khế uớc nhận nợ nhưng tối đa không quá 364 ngày	Quy định trong từng giấy nhận nợ	24.000.000.000	24.000.000.000	Bảo lãnh bằng Hợp đồng cầm cố tiền gửi số VN124016198/HĐCC/WBV N300 ngày 25/11/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
3	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam					69.880.594.315	69.880.594.315	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/02/BCB/HETD ngày 12/01/2022 và hợp đồng bổ sung số HN/2022/02/BCB/HETD/BSI ngày 11/01/2023					13.050.009.565	13.050.009.565	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/04/BCB/HETD ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HETD/BSI ngày 11/01/2023	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	48.657.895.479	48.657.895.479	- Đảm bảo bằng tài sản
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/03/BCB/HETD ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HETD/BSI ngày 11/01/2023					8.172.689.271	8.172.689.271	
4	Ngân hàng TMCP Quân Đội					67.996.562.906	67.996.562.906	
	Hợp đồng cấp tín dụng số 234855.24.056.1516289.TD ngày 08/08/2024	75.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bán lẻ của khách hàng	Từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 15/07/2025	Theo từng giấy nhận nợ	67.996.562.906	67.996.562.906	- Đảm bảo bằng tài sản
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng					994.474.115	994.474.115	
	Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản không TSBD số ThauchionlineSME- 11366296	1.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	16%	994.474.115	994.474.115	- Bảo lãnh cá nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
6	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam HỆTD hạn mức số 112- 00008871.04747/2023/HĐTD ngày 02/08/2023 và Thông báo điều chỉnh bổ sung hạn mức số 0412/2023./TB- MSB.HMI ngày 04/12/2023	55.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh/phát hành bảo lãnh L/C của khách hàng	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	53.070.164.226	53.070.164.226	- Đảm bảo bằng tài sản
7	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam Hợp đồng cấp tín dụng số DDA20241892479/HĐTD ngày 16/05/2024	80.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản điều	12 tháng	Áp dụng theo từng lần giải ngân	79.873.600.000	79.873.600.000	- Đảm bảo bằng tài sản
8	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam Hợp đồng tín dụng số 1805- LAV-230106957 ngày 20/12/2023	18.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản điều	12 tháng	Áp dụng theo từng lần giải ngân	17.990.139.800	17.990.139.800	- Đảm bảo bằng tài sản
9	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số CLC-20936-01 ngày 17/06/2024	50.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	4.990.000.000	4.990.000.000	- Đảm bảo bằng tài sản
10	Ngân hàng TMCP An Bình Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 1140/24/TD/SME/116 ngày 24/09/2024	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	182.436.722.315	182.436.722.315	- Đảm bảo bằng tài sản
II	Vay dài hạn					177.404.854.428	22.161.438.982	
1	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Hợp đồng tín dụng số SHBVN/RMC/2021/HỆTD- 00079 ngày 15/01/2021	429.000.000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	60 tháng	8,5%/năm	92.950.000	85.800.000	- Đảm bảo bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/12/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng TMCP An Bình Hợp đồng cho vay từng lần số 1142/24/TD/SME/116 ngày 24/09/2024	86.000.000.000	Vay bù đắp tài chính	84 tháng	9%/năm	82.928.571.428	12.275.634.982	- Đảm bảo bằng tài sản
3	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam Hợp đồng tín dụng số DDA20242010665/HDTĐ ngày 28/06/2024; Phụ lục số DDA20242010665/HDTĐ/PL 2379196 ngày 11/10/2024	98.000.000.000	Cho vay đầu tư tài sản cố định là nhà xưởng, khu văn phòng	120 tháng	9,01%/năm	94.383.333.000	9.800.004.000	- Đảm bảo bằng tài sản
Tổng cộng các khoản vay						860.915.803.966	705.672.388.520	



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ BẢO NGỌC
Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phụ lục số 04

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023						
Tại ngày 01/01/2023	249.998.550.000	79.978.400.000	1.698.273.899	91.948.617.585	7.630.992.762	431.254.834.246
Lãi trong kỳ trước (đã điều chỉnh hồi tố)	-	-	-	43.790.943.327	565.751.167	44.356.694.494
Ảnh hưởng mua công ty con trong kỳ	-	-	-	-	4.479.294.194	4.479.294.194
Giảm khác	-	-	-	(13.068.181)	-	(13.068.181)
Tại ngày 31/12/2023 (Đã điều chỉnh hồi tố)	249.998.550.000	79.978.400.000	1.698.273.899	135.726.492.731	12.676.038.123	480.077.754.753
Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024						
Tại ngày 01/01/2024 (Đã điều chỉnh hồi tố)	249.998.550.000	79.978.400.000	1.698.273.899	135.726.492.731	12.676.038.123	480.077.754.753
Lãi trong năm nay	-	-	-	53.187.658.103	1.163.402.905	54.351.061.008
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.357.119.895	(2.714.239.790)	-	(1.357.119.895)
Trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu	62.495.390.000	-	-	(62.495.390.000)	-	-
Ảnh hưởng mua công ty con trong kỳ	-	-	-	-	986.890.840	986.890.840
Công ty con tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	4.900.000.000	4.900.000.000
Tăng khác	-	-	-	106.536.021	-	106.536.021
Tại ngày 31/12/2024	312.493.940.000	79.978.400.000	3.055.393.794	123.811.057.065	19.726.331.868	539.065.122.727

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/06/2024, Công ty đã thực hiện việc phân phối lợi nhuận lũy kế đến năm 2023 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	135.726.492.731
Trích Quỹ đầu tư phát triển	1,00%	1.357.119.895
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,00%	1.357.119.895
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (bằng 25% vốn điều lệ)	46,05%	62.495.390.000
Lợi nhuận chưa phân phối	51,94%	70.516.862.941

